rì luò

日落

noun · sunset

Example Sentences

wǒ men zài hǎi biān kàn rì luò jǐng sè fēi cháng měi lì
我 们 在 海 边 看 日 落， 景 色 非 常 美 丽。

We watched the sunset by the sea, and the scenery was very beautiful.

rì luò zhī hòu tiān kōng biàn chéng le shēn lán sè
日 落 之 后， 天 空 变 成 了 深 蓝 色。

After sunset, the sky turned dark blue.

Trace each character, then write the word on your own.

日 日 日 日 日 日 日

落 落 落 落 落 落 落 落 落 落 落

落 落 落 落